CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ KIẾN DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠT HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP

KHÓA 59

Học kỳ 2 Năm học 2019-2020 *(xét kết quả học tập HK1-2019-2020)*

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	ĐTB Học tập	ĐTB Hệ 4	Số TC	Rèn luyện	Học bổng	Mức học bổng	Ghi chú
1	5954051011	Đỗ Hoàng	Hồi	CQ.59.QLXD	8.28	3.41	18	Tốt	Giỏi	6,095,000	6,095,000
2	5951010159	Huỳnh Việt	Tâm	CQ.59.CT1	7.8	3.2	16	Tốt	Giỏi	6,095,000	6,095,000
3	5951100132	Bùi Hữu	Tài	CQ.59.NKTXD.1	7.74	3.15	15	Tốt	Khá	5,300,000	5,300,000
4	5951010155	Bùi	Tài	CQ.59.CT1	7.54	3.14	16	Khá	Khá	5,300,000	5,300,000
5	5951100163	Nguyễn Đức	Thuận	CQ.59.NKTXD.1	7.54	3.06	18	Tốt	Khá	5,300,000	5,300,000
6	5951010138	Phan Thanh	Phú	CQ.59.CT1	7.52	3.06	18	Khá	Khá	5,300,000	5,300,000
7	5951100157	Nguyễn Tấn	Thịnh	CQ.59.NKTXD.1	7.44	3.04	17	Tốt	Khá	5,300,000	5,300,000
8	5951100099	Đoàn Thị Kim	Ngân	CQ.59.NKTXD.1	7.56	3.01	20	Tốt	Khá	5,300,000	5,300,000
9	5951010126	Đặng Thanh	Nhàng	CQ.59.CT1	7.37	2.92	18	Tốt	Khá	5,300,000	5,300,000
10	5951100135	Nguyễn Minh	Tâm	CQ.59.NKTXD.1	7.25	2.89	17	Tốt	Khá	5,300,000	5,300,000
11	5951010005	Vũ Hồ Ngọc	Anh	CQ.59.CT2	7.37	2.89	17	Khá	Khá	5,300,000	5,300,000
12	5951100162	Hoàng Trung	Thông	CQ.59.NKTXD.1	7.17	2.86	17	Tốt	Khá	5,300,000	5,300,000
13	5951010064	Lê Việt	Hoàng	CQ.59.CT2	7.09	2.85	18	Tốt	Khá	5,300,000	5,300,000
14	5951100136	Trần Đức	Tân	CQ.59.NKTXD.1	7.19	2.79	17	Tốt	Khá	5,300,000	5,300,000
15	5951100003	Nguyễn Xuân	Bảo	CQ.59.NKTXD.2	7.03	2.73	17	Tốt	Khá	5,300,000	5,300,000
16	5951010193	Trần Trung	Tính	CQ.59.CT1	6.94	2.71	17	Tốt	Khá	5,300,000	5,300,000
17	5951010134	Lê Tấn	Phát	CQ.59.CT1	6.74	2.65	17	Tốt	Khá	5,300,000	5,300,000
18	5951100021	Nguyễn Tấn	Đạt	CQ.59.NKTXD.2	6.69	2.57	15	Khá	Khá	5,300,000	5,300,000
19	5951050025	Đặng Thị Mỹ	Định	CQ.59.KTVTAI.2	9.39	3.87	15	Xuất sắc	Xuất sắc	6,890,000	6,890,000
20	5954041020	Lý Thế	Hạo	CQ.59.KTTH	9.16	3.87	16	Xuất sắc	Xuất sắc	5,785,000	5,785,000
21	5951050139	Nguyễn Thị Như	Ý	CQ.59.KTVTAI.1	9.31	3.86	17	Xuất sắc	Xuất sắc	6,890,000	6,890,000
22	5954004034	Nguyễn Bình	Minh	CQ.59.KTVTDL	9.07	3.81	19	Xuất sắc	Xuất sắc	6,890,000	6,890,000
23	5951050043	Nguyễn Thị Hồ	Hương	CQ.59.KTVTAI.2	8.81	3.69	16	Xuất sắc	Xuất sắc	6,890,000	6,890,000
24	5951050061	Nguyễn Thị Phương	Minh	CQ.59.KTVTAI.2	8.79	3.69	20	Xuất sắc	Xuất sắc	6,890,000	6,890,000
25	5951050018	Thái Thị Mỹ	Duyên	CQ.59.KTVTAI.2	8.84	3.66	17	Xuất sắc	Xuất sắc	6,890,000	6,890,000
26	5951050099	Võ Thị Phương	Thảo	CQ.59.KTVTAI.1	8.76	3.66	20	Xuất sắc	Xuất sắc	6,890,000	6,890,000

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	ĐTB Học tập	ĐTB Hệ 4	Số TC	Rèn luyện	Học bổng	Mức học bổng	Ghi chú
27	5954041025	Nguyễn Thị Mây	Hồng	CQ.59.KTTH	9.03	3.83	16	Tốt	Giỏi	5,120,000	5,120,000
28	5951050022	Trần Việt Hải	Đào	CQ.59.KTVTAI.2	9.09	3.81	17	Tốt	Giỏi	6,095,000	6,095,000
29	5954010055	Võ Thị Tuyết	Ngân	CQ.59.KTXD	9.09	3.8	16	Tốt	Giỏi	6,095,000	6,095,000
30	5954041030	Nguyễn Thị Mỹ	Lệ	CQ.59.KTTH	9.04	3.79	18	Tốt	Giỏi	5,120,000	5,120,000
31	5954041038	Phan Thu	Ngân	CQ.59.KTTH	8.91	3.73	15	Tốt	Giỏi	5,120,000	5,120,000
32	5954010069	Phạm Yến	Phi	CQ.59.KTXD	8.89	3.73	16	Tốt	Giỏi	6,095,000	6,095,000
33	5951050110	Nguyễn Thị Anh	Thư	CQ.59.KTVTAI.1	8.73	3.7	18	Tốt	Giỏi	6,095,000	6,095,000
34	5951050073	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	CQ.59.KTVTAI.1	8.84	3.69	17	Tốt	Giỏi	6,095,000	6,095,000
35	5951050132	Nguyễn Ngọc Bích	Tuyền	CQ.59.KTVTAI.1	8.53	3.69	15	Tốt	Giỏi	6,095,000	6,095,000
36	5951050134	Lê Hạ	Uyên	CQ.59.KTVTAI.1	8.66	3.69	15	Tốt	Giỏi	6,095,000	6,095,000
37	5954004018	Nguyễn Thu	Hằng	CQ.59.KTVTDL	8.73	3.69	15	Tốt	Giỏi	6,095,000	6,095,000
38	5954010101	Huỳnh Thị	Trang	CQ.59.KTXD	8.99	3.69	16	Tốt	Giỏi	6,095,000	6,095,000
39	5954041022	Trần Thị Mai	Hoa	CQ.59.KTTH	8.83	3.67	16	Tốt	Giỏi	5,120,000	5,120,000
40	5954004027	Ngô Thị Mỹ	Lệ	CQ.59.KTVTDL	8.79	3.67	15	Tốt	Giỏi	6,095,000	6,095,000
41	5951050089	Trần Anh	Phương	CQ.59.KTVTAI.1	8.79	3.67	20	Tốt	Giỏi	6,095,000	6,095,000
42	5954004007	Nguyễn Thị Hồng	Diễm	CQ.59.KTVTDL	8.81	3.66	17	Tốt	Giỏi	6,095,000	6,095,000
43	5954010120	Trần Anh	Vi	CQ.59.KTXD	8.6	3.66	18	Tốt	Giỏi	6,095,000	6,095,000
44	5951050135	Nguyễn Phương	Uyên	CQ.59.KTVTAI.1	8.42	3.64	15	Tốt	Giỏi	6,095,000	6,095,000
45	5951050107	Nguyễn Thị Thu	Thủy	CQ.59.KTVTAI.1	8.58	3.63	17	Tốt	Giỏi	6,095,000	6,095,000
46	5951050094	Lê Như	Quỳnh	CQ.59.KTVTAI.1	8.85	3.61	15	Tốt	Giỏi	6,095,000	6,095,000
47	5954041063	Nguyễn Thị	Thu	CQ.59.KTTH	8.61	3.61	15	Tốt	Giỏi	5,120,000	5,120,000
48	5951050114	Nguyễn Hồ Minh	Trang	CQ.59.KTVTAI.1	8.74	3.6	20	Tốt	Giỏi	6,095,000	6,095,000
49	5954041046	Tân Thị Duy	Nhất	CQ.59.KTTH	8.44	3.59	15	Tốt	Giỏi	5,120,000	5,120,000
50	5954004002	Huỳnh Thị Quỳnh	Anh	CQ.59.KTVTDL	8.53	3.59	19	Tốt	Giỏi	6,095,000	6,095,000
51	5951050116	Nguyễn Thị Thùy	Trang	CQ.59.KTVTAI.1	8.54	3.58	17	Tốt	Giỏi	6,095,000	6,095,000
52	5954041007	Đinh Thị	Cúc	CQ.59.KTTH	8.46	3.56	18	Tốt	Giỏi	5,120,000	5,120,000
53	5954010001	Trần Thị Phương	Anh	CQ.59.KTXD	8.57	3.55	19	Tốt	Giỏi	6,095,000	6,095,000
54	5951050002	Lê Thị Kim	Anh	CQ.59.KTVTAI.2	8.31	3.55	19	Tốt	Giỏi	6,095,000	6,095,000
55	5954041039	Hồng Thị Kim	Ngân	CQ.59.KTTH	8.53	3.55	15	Tốt	Giỏi	5,120,000	5,120,000
56	5951050100	Huỳnh Phương Dạ	Thảo	CQ.59.KTVTAI.1	8.54	3.54	17	Tốt	Giỏi	6,095,000	6,095,000
57	5954041060	Nguyễn Thị Như	Thảo	CQ.59.KTTH	8.39	3.54	18	Tốt	Giỏi	5,120,000	5,120,000
58	5954004056	Đặng Cảnh	Thương	CQ.59.KTVTDL	8.39	3.54	19	Tốt	Giỏi	6,095,000	6,095,000
59	5951050028	Võ Thị Thu	Hà	CQ.59.KTVTAI.2	8.22	3.5	15	Tốt	Giỏi	6,095,000	6,095,000
60	5951050108	Phạm Thị	Thúy	CQ.59.KTVTAI.1	8.6	3.5	15	Tốt	Giỏi	6,095,000	6,095,000

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	ĐTB Học tập	ĐTB Hệ 4	Số TC	Rèn luyện	Học bổng	Mức học bổng	Ghi chú
61	5954041006	Mai Thị	Cẩm	CQ.59.KTTH	8.41	3.5	16	Tốt	Giỏi	5,120,000	5,120,000
62	5951050140	Trần Ngọc Như	Ý	CQ.59.KTVTAI.1	8.38	3.5	18	Tốt	Giỏi	6,095,000	6,095,000
63	5951050054	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	CQ.59.KTVTAI.2	8.38	3.49	15	Tốt	Giỏi	6,095,000	6,095,000
64	5954004058	Nguyễn Thị Trầm	Tỉnh	CQ.59.KTVTDL	8.43	3.49	19	Tốt	Giỏi	6,095,000	6,095,000
65	5954004067	Nguyễn Hoàng Thúy	Vi	CQ.59.KTVTDL	8.35	3.48	15	Tốt	Giỏi	6,095,000	6,095,000
66	5954004065	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	CQ.59.KTVTDL	8.38	3.48	16	Tốt	Giỏi	6,095,000	6,095,000
67	5954041058	Huỳnh Thị Thanh	Thảo	CQ.59.KTTH	8.29	3.47	16	Tốt	Giỏi	5,120,000	5,120,000
68	5951050045	Nguyễn Trần Tố	Khanh	CQ.59.KTVTAI.2	8.33	3.47	17	Tốt	Giỏi	6,095,000	6,095,000
69	5954030002	Bùi Thị Lan	Anh	CQ.59.QTKD	8.11	3.46	17	Tốt	Giỏi	5,120,000	5,120,000
70	5954041056	Phạm Thị Thanh	Tâm	CQ.59.KTTH	8.33	3.45	15	Tốt	Giỏi	5,120,000	5,120,000
71	5954030072	Lê Trung	Tuyến	CQ.59.QTKD	8.18	3.44	17	Tốt	Giỏi	5,120,000	5,120,000
72	5954041064	Võ Thị Thanh	Thu	CQ.59.KTTH	8.35	3.44	15	Tốt	Giỏi	5,120,000	5,120,000
73	5951050015	Nguyễn Quốc	Duy	CQ.59.KTVTAI.2	8.19	3.43	15	Tốt	Giỏi	6,095,000	6,095,000
74	5954041036	Lê Thị Mỹ	Nga	CQ.59.KTTH	8.38	3.43	16	Tốt	Giỏi	5,120,000	5,120,000
75	5954030009	Lê Cao Kỳ	Duyên	CQ.59.QTKD	8.22	3.43	17	Tốt	Giỏi	5,120,000	5,120,000
76	5954004016	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	CQ.59.KTVTDL	8.16	3.42	19	Tốt	Giỏi	6,095,000	6,095,000
77	5951050141	Võ Trần Như	Ý	CQ.59.KTVTAI.1	8.18	3.41	16	Tốt	Giỏi	6,095,000	6,095,000
78	5954004010	Cao Nguyễn Ngọc Thùy	Duyên	CQ.59.KTVTDL	8.37	3.41	16	Tốt	Giỏi	6,095,000	6,095,000
79	5951050067	Võ Thị Kim	Ngân	CQ.59.KTVTAI.2	8.1	3.41	17	Tốt	Giỏi	6,095,000	6,095,000
80	5951050120	Danh Ngọc Bảo	Trân	CQ.59.KTVTAI.1	8.01	3.4	15	Xuất sắc	Giỏi	6,095,000	6,095,000
81	5951050104	Bùi Thị Thuỳ	Thơm	CQ.59.KTVTAI.1	8.24	3.39	15	Tốt	Giỏi	6,095,000	6,095,000
82	5951050137	Lê Ngọc	Viên	CQ.59.KTVTAI.1	8.31	3.38	17	Xuất sắc	Giỏi	6,095,000	6,095,000
83	5951050035	Trần Nữ Hồng	Hân	CQ.59.KTVTAI.2	8.06	3.37	17	Tốt	Giỏi	6,095,000	6,095,000
84	5954041005	Nguyễn Thị	Bông	CQ.59.KTTH	8.42	3.36	15	Tốt	Giỏi	5,120,000	5,120,000
85	5951050086	Lê Thị	Oanh	CQ.59.KTVTAI.1	8.06	3.35	19	Tốt	Giỏi	6,095,000	6,095,000
86	5951050060	Mai Ái	Mi	CQ.59.KTVTAI.2	7.94	3.34	15	Tốt	Giỏi	6,095,000	6,095,000
87	5954030047	Trương Thị Mỹ	Ngọc	CQ.59.QTKD	7.96	3.33	17	Xuất sắc	Giỏi	5,120,000	5,120,000
88	5951050027	Nguyễn Thị	Hà	CQ.59.KTVTAI.2	7.91	3.32	17	Xuất sắc	Giỏi	6,095,000	6,095,000
89	5954041052	Lê Thị Uyên	Phương	CQ.59.KTTH	8.22	3.31	17	Xuất sắc	Giỏi	5,120,000	5,120,000
90	5954010032	Trần Quang	Huy	CQ.59.KTXD	7.97	3.31	17	Xuất sắc	Giỏi	6,095,000	6,095,000
91	5954030013	Tô Thị Yến	Hà	CQ.59.QTKD	8	3.31	17	Tốt	Giỏi	5,120,000	5,120,000
92	5951050125	Nguyễn Thị Ngọc	Trúc	CQ.59.KTVTAI.1	7.99	3.3	18	Tốt	Giỏi	6,095,000	6,095,000
93	5954004006	Nguyễn Thị Kim	Chi	CQ.59.KTVTDL	8.16	3.3	15	Tốt	Giỏi	6,095,000	6,095,000
94	5951050030	Cù Huy	Hảo	CQ.59.KTVTAI.2	8.12	3.29	18	Tốt	Giỏi	6,095,000	6,095,000

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	ĐTB Học tập	ĐTB Hệ 4	Số TC	Rèn luyện	Học bổng	Mức học bổng	Ghi chú
95	5951050068	Nguyễn Thị	Ngân	CQ.59.KTVTAI.2	7.97	3.28	16	Tốt	Giỏi	6,095,000	6,095,000
96	5954004036	Nguyễn Thị Trà	My	CQ.59.KTVTDL	8.05	3.28	15	Tốt	Giỏi	6,095,000	6,095,000
97	5954004049	Hoàng Minh	Thảo	CQ.59.KTVTDL	7.86	3.27	19	Tốt	Giỏi	6,095,000	6,095,000
98	5951050105	Nguyễn Mai	Thuy	CQ.59.KTVTAI.1	7.88	3.26	15	Xuất sắc	Giỏi	6,095,000	6,095,000
99	5954041018	Lê Mỹ	Hảo	CQ.59.KTTH	7.85	3.26	16	Tốt	Giỏi	5,120,000	5,120,000
100	5954041080	Đinh Thị Liên	Vy	CQ.59.KTTH	7.87	3.25	16	Tốt	Giỏi	5,120,000	5,120,000
101	5951050010	Võ Thị Kim	Chi	CQ.59.KTVTAI.2	7.84	3.25	16	Tốt	Giỏi	6,095,000	6,095,000
102	5954004061	Đỗ Thị Hoàng	Trang	CQ.59.KTVTDL	7.86	3.24	15	Tốt	Giỏi	6,095,000	6,095,000
103	5951050098	Phạm Thị Phương	Thanh	CQ.59.KTVTAI.1	7.97	3.24	20	Tốt	Giỏi	6,095,000	6,095,000
104	5951050005	Châu Thị Lan	Anh	CQ.59.KTVTAI.2	7.88	3.24	16	Tốt	Giỏi	6,095,000	6,095,000
105	5954041041	Phan Thị Hồng	Ngọc	CQ.59.KTTH	7.82	3.23	15	Tốt	Giỏi	5,120,000	5,120,000
106	5951050118	Lê Thị Bích	Trâm	CQ.59.KTVTAI.1	8.18	3.22	17	Xuất sắc	Giỏi	6,095,000	6,095,000
107	5954041057	Trần Thanh	Thảo	CQ.59.KTTH	7.67	3.22	15	Tốt	Giỏi	5,120,000	5,120,000
108	5951050081	Phạm Thị Ái	Nhi	CQ.59.KTVTAI.1	7.78	3.21	19	Tốt	Giỏi	6,095,000	6,095,000
109	5954041029	Đỗ Thị Cẩm	Lệ	CQ.59.KTTH	7.68	3.21	18	Tốt	Giỏi	5,120,000	5,120,000
110	5951050130	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	CQ.59.KTVTAI.1	7.94	3.21	17	Tốt	Giỏi	6,095,000	6,095,000
111	5951050037	Hồ Thị Thu	Hiền	CQ.59.KTVTAI.2	8.16	3.21	18	Tốt	Giỏi	6,095,000	6,095,000
112	5954004059	Hồ Thị	Trà	CQ.59.KTVTDL	7.84	3.21	19	Tốt	Giỏi	6,095,000	6,095,000
113	5951050090	Nguyễn Minh	Quân	CQ.59.KTVTAI.1	7.76	3.17	15	Tốt	Khá	5,300,000	5,300,000
114	5951050009	Huỳnh Thị Mỹ	Chi	CQ.59.KTVTAI.2	7.77	3.17	15	Tốt	Khá	5,300,000	5,300,000
115	5954004025	Đoàn Thị Minh	Khuyên	CQ.59.KTVTDL	7.7	3.17	15	Tốt	Khá	5,300,000	5,300,000
116	5954010091	Nguyễn Thị Kim	Thoa	CQ.59.KTXD	7.81	3.17	19	Tốt	Khá	5,300,000	5,300,000
117	5951050064	Đoàn Thị	Mỹ	CQ.59.KTVTAI.2	7.67	3.16	20	Tốt	Khá	5,300,000	5,300,000
118	5951050095	Phạm Thị Thuý	Quỳnh	CQ.59.KTVTAI.1	7.6	3.14	19	Tốt	Khá	5,300,000	5,300,000
119	5951050078	Văn Thị Hoài	Nhi	CQ.59.KTVTAI.1	7.67	3.14	19	Tốt	Khá	5,300,000	5,300,000
120	5954041021	Trịnh Nguyễn Ngọc	Hân	CQ.59.KTTH	7.52	3.13	16	Khá	Khá	4,450,000	4,450,000
121	5954004043	Phan Lê Quỳnh	Như	CQ.59.KTVTDL	7.62	3.12	16	Tốt	Khá	5,300,000	5,300,000
122	5954010090	Nguyễn Quỳnh	Thoa	CQ.59.KTXD	7.56	3.12	17	Tốt	Khá	5,300,000	5,300,000
123	5951050046	Lê Đình	Khánh	CQ.59.KTVTAI.2	7.63	3.08	20	Tốt	Khá	5,300,000	5,300,000
124	5954004015	Trần Thị Thu	Hà	CQ.59.KTVTDL	7.38	3.08	15	Tốt	Khá	5,300,000	5,300,000
125	5954030015	Trần Thị Thanh Tuyết	Hạnh	CQ.59.QTKD	7.36	3.06	17	Tốt	Khá	4,450,000	4,450,000
126	5951050034	Nguyễn Thị Diễm	Hằng	CQ.59.KTVTAI.2	7.37	3.06	16	Tốt	Khá	5,300,000	5,300,000
127	5951050085	Phan Kiều	Oanh	CQ.59.KTVTAI.1	7.66	3.05	17	Tốt	Khá	5,300,000	5,300,000
128	5951050111	Nguyễn Thị Hoài	Thư	CQ.59.KTVTAI.1	7.29	3.04	15	Tốt	Khá	5,300,000	5,300,000

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	ĐTB Học tập	ĐTB Hệ 4	Số TC	Rèn luyện	Học bổng	Mức học bổng	Ghi chú
129	5954010035	Nguyễn Thị	Hương	CQ.59.KTXD	7.31	3.04	15	Khá	Khá	5,300,000	5,300,000
130	5954010040	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	CQ.59.KTXD	7.42	3.02	19	Tốt	Khá	5,300,000	5,300,000
131	5954004023	Nguyễn Lệ	Hoa	CQ.59.KTVTDL	7.47	3.02	18	Tốt	Khá	5,300,000	5,300,000
132	5951050119	Nguyễn Thị Bích	Trâm	CQ.59.KTVTAI.1	7.35	3.02	19	Tốt	Khá	5,300,000	5,300,000
133	5954041072	Nguyễn Thị Thùy	Trang	CQ.59.KTTH	7.41	3.01	16	Tốt	Khá	4,450,000	4,450,000
134	5954041066	Trần Thanh	Thúy	CQ.59.KTTH	7.56	3	17	Tốt	Khá	4,450,000	4,450,000
135	5954030040	Thân Thị	Lợi	CQ.59.QTKD	7.2	2.96	17	Xuất sắc	Khá	4,450,000	4,450,000
136	5954021037	Bùi Thị Phương	Thảo	CQ.59.KTBC	7.18	2.96	16	Tốt	Khá	4,450,000	4,450,000
137	5954010052	Trần Thu	Ngân	CQ.59.KTXD	7.29	2.96	18	Khá	Khá	5,300,000	5,300,000
138	5951050084	Đỗ Thị Hồng	Nhung	CQ.59.KTVTAI.1	7.32	2.94	18	Tốt	Khá	5,300,000	5,300,000
139	5951050036	Nguyễn Thị	Hậu	CQ.59.KTVTAI.2	7.39	2.94	16	Tốt	Khá	5,300,000	5,300,000
140	5954010073	Nguyễn Thị Bích	Phượng	CQ.59.KTXD	7.39	2.93	16	Tốt	Khá	5,300,000	5,300,000
141	5954010041	Nguyễn Thị Thùy	Linh	CQ.59.KTXD	7.3	2.93	19	Khá	Khá	5,300,000	5,300,000
142	5951050007	Lâm Quang	Chánh	CQ.59.KTVTAI.2	7.16	2.92	20	Tốt	Khá	5,300,000	5,300,000
143	5954010008	Trịnh Thị Xuân	Diệu	CQ.59.KTXD	7.28	2.91	17	Tốt	Khá	5,300,000	5,300,000
144	5954004041	Võ Thị Huỳnh	Như	CQ.59.KTVTDL	7.47	2.9	15	Tốt	Khá	5,300,000	5,300,000
145	5954004031	Đỗ Thị	Lượm	CQ.59.KTVTDL	7.3	2.87	19	Khá	Khá	5,300,000	5,300,000
146	5951050031	Trần Thị Thu	Hằng	CQ.59.KTVTAI.2	7.34	2.85	15	Tốt	Khá	5,300,000	5,300,000
147	5951050006	Lê Thị Ngọc	Ánh	CQ.59.KTVTAI.2	7.2	2.84	17	Tốt	Khá	5,300,000	5,300,000
148	5954004062	Vũ Nguyễn Phương	Trâm	CQ.59.KTVTDL	7.04	2.81	16	Tốt	Khá	5,300,000	5,300,000
149	5954010045	Lê Thị Mỹ	Luyến	CQ.59.KTXD	7.28	2.8	16	Khá	Khá	5,300,000	5,300,000
150	5954041023	Triệu Thu	Hoài	CQ.59.KTTH	7.08	2.8	16	Khá	Khá	4,450,000	4,450,000
151	5954010026	Nguyễn Trương	Hoàng	CQ.59.KTXD	6.93	2.75	18	Tốt	Khá	5,300,000	5,300,000
152	5951050032	Phạm Thị Thúy	Hằng	CQ.59.KTVTAI.2	7.11	2.74	17	Tốt	Khá	5,300,000	5,300,000
153	5951050087	Nguyễn Thị Thúy	Phụng	CQ.59.KTVTAI.1	7.06	2.74	17	Tốt	Khá	5,300,000	5,300,000
154	5954010046	Nguyễn Thị Thảo	Ly	CQ.59.KTXD	6.89	2.66	16	Tốt	Khá	5,300,000	5,300,000
155	5954010039	Hồ Thị	Lan	CQ.59.KTXD	7.01	2.65	19	Tốt	Khá	5,300,000	5,300,000
156	5954041024	Phan Thị Như	Hoài	CQ.59.KTTH	6.83	2.63	15	Tốt	Khá	4,450,000	4,450,000
157	5954004029	Ngô Thị Hoài	Linh	CQ.59.KTVTDL	6.93	2.62	19	Tốt	Khá	5,300,000	5,300,000
158	5954004024	Trần Thị	Hoài	CQ.59.KTVTDL	6.86	2.61	15	Xuất sắc	Khá	5,300,000	5,300,000
159	5954030069	Phạm Thị Tú	Trân	CQ.59.QTKD	6.63	2.57	16	Tốt	Khá	4,450,000	4,450,000
160	5951050070	Nguyễn Kim	Nghi	CQ.59.KTVTAI.2	6.64	2.55	20	Tốt	Khá	5,300,000	5,300,000
161	5954021051	Nguyễn Quang	Việt	CQ.59.KTBC	6.69	2.53	16	Tốt	Khá	4,450,000	4,450,000
162	5951020045	Đinh Thị Tố	Loan	CQ.59.KTDTVT	9.28	3.89	17	Xuất sắc	Xuất sắc	6,890,000	6,890,000

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	ĐTB Học tập	ĐTB Hệ 4	Số TC	Rèn luyện	Học bổng	Mức học bổng	Ghi chú
163	5951030108	Trần Hà Thu	Uyên	CQ.59.TĐH	8.89	3.81	17	Xuất sắc	Xuất sắc	6,890,000	6,890,000
164	5951071118	Đỗ Quốc	Tuấn	CQ.59.CNTT	8.9	3.73	18	Xuất sắc	Xuất sắc	6,890,000	6,890,000
165	5951020067	Cù Thanh	Tây	CQ.59.KTDTVT	8.81	3.63	16	Xuất sắc	Xuất sắc	6,890,000	6,890,000
166	5951020027	Nguyễn Trung	Hiếu	CQ.59.KTDTVT	8.52	3.61	18	Xuất sắc	Xuất sắc	6,890,000	6,890,000
167	5951020060	Lê Văn	Quyền	CQ.59.KTDTVT	8.74	3.64	16	Tốt	Giỏi	6,095,000	6,095,000
168	5951030022	Phan Trọng	Đài	CQ.59.ITS	8.44	3.58	16	Tốt	Giỏi	6,095,000	6,095,000
169	5951071052	Nguyễn Hoàng	Long	CQ.59.CNTT	8.58	3.52	20	Tốt	Giỏi	6,095,000	6,095,000
170	5951071017	Hoàng Đình Thiên	Đông	CQ.59.CNTT	8.35	3.51	20	Tốt	Giỏi	6,095,000	6,095,000
171	5951020028	Nguyễn Trung	Hiếu	CQ.59.KTDTVT	8.27	3.48	16	Tốt	Giỏi	6,095,000	6,095,000
172	5951030060	Võ Đình	Nguyên	CQ.59.TĐH	8.23	3.48	17	Tốt	Giỏi	6,095,000	6,095,000
173	5951030025	Nguyễn Đình	Định	CQ.59.TĐH	8.4	3.45	17	Tốt	Giỏi	6,095,000	6,095,000
174	5951071094	Nguyễn Tứ Tấn	Tài	CQ.59.CNTT	8.41	3.44	21	Xuất sắc	Giỏi	6,095,000	6,095,000
175	5951030002	Trần Ngọc	An	CQ.59.TĐH	8.2	3.42	17	Tốt	Giỏi	6,095,000	6,095,000
176	5951071124	Nguyễn Hoàng	Vương	CQ.59.CNTT	8.14	3.38	18	Tốt	Giỏi	6,095,000	6,095,000
177	5951071061	Trần Thị Thanh	Ngân	CQ.59.CNTT	8.12	3.37	21	Tốt	Giỏi	6,095,000	6,095,000
178	5951071089	Tô Võ Như	Quỳnh	CQ.59.CNTT	7.86	3.32	17	Tốt	Giỏi	6,095,000	6,095,000
179	5951071111	Phạm Thành	Trung	CQ.59.CNTT	8.09	3.31	20	Tốt	Giỏi	6,095,000	6,095,000
180	5951030019	Phạm Dương Quốc	Duy	CQ.59.TĐH	7.73	3.23	17	Tốt	Giỏi	6,095,000	6,095,000
181	5951040051	Võ Trương Đình	Long	CQ.59.CK	7.63	3.14	19	Tốt	Khá	5,300,000	5,300,000
182	5951071106	Nguyễn Hữu	Tin	CQ.59.CNTT	7.97	3.14	18	Tốt	Khá	5,300,000	5,300,000
183	5951030101	Lê Nguyễn Thanh	Tú	CQ.59.TĐH	7.56	3.11	16	Tốt	Khá	5,300,000	5,300,000
184	5951030021	Trịnh Xuân	Đà	CQ.59.TĐH	7.56	3.07	16	Tốt	Khá	5,300,000	5,300,000
185	5951071018	Đỗ Hoàng	Gia	CQ.59.CNTT	7.45	3.05	17	Tốt	Khá	5,300,000	5,300,000
186	5951040081	Nguyễn Minh	Tân	CQ.59.CK	7.41	3.04	15	Tốt	Khá	5,300,000	5,300,000
187	5951020001	Võ Ngọc	An	CQ.59.KTDTVT	7.45	3.03	17	Tốt	Khá	5,300,000	5,300,000
188	5951030020	Quách Văn	Dương	CQ.59.TĐH	7.54	3.03	17	Tốt	Khá	5,300,000	5,300,000
189	5951071112	Nguyễn Mai Chí	Trung	CQ.59.CNTT	7.5	3.01	18	Tốt	Khá	5,300,000	5,300,000
190	5951071055	Tướng Văn Tiến	Lực	CQ.59.CNTT	7.3	3	17	Khá	Khá	5,300,000	5,300,000
191	5951071062	Nguyễn Sông	Ngân	CQ.59.CNTT	7.42	2.99	17	Xuất sắc	Khá	5,300,000	5,300,000
192	5951030049	Phan Trung	Kiên	CQ.59.TĐH	7.32	2.94	15	Tốt	Khá	5,300,000	5,300,000
193	5951071068	Nguyễn	Nhân	CQ.59.CNTT	7.28	2.92	20	Tốt	Khá	5,300,000	5,300,000
194	5951071011	Võ Tấn	Đào	CQ.59.CNTT	7.33	2.87	18	Tốt	Khá	5,300,000	5,300,000
195	5951060031	Nguyễn Đoàn	Minh	CQ.59.KTD	7.23	2.86	15	Tốt	Khá	5,300,000	5,300,000
196	5951020030	Đỗ Trịnh	Hoàn	CQ.59.KTDTVT	7.22	2.85	18	Tốt	Khá	5,300,000	5,300,000

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	ĐTB Học tập	ĐTB Hệ 4	Số TC	Rèn luyện	Học bổng	Mức học bổng	Ghi chú
197	5951071113	Phạm Trọng	Trường	CQ.59.CNTT	6.88	2.83	18	Tốt	Khá	5,300,000	5,300,000
198	5951060014	Đặng Hồng	Hiếu	CQ.59.KTD	6.86	2.82	15	Tốt	Khá	5,300,000	5,300,000
199	5951071108	Trần Lê Thanh	Tính	CQ.59.CNTT	6.95	2.82	17	Khá	Khá	5,300,000	5,300,000
200	5951071049	Đoàn Lê Mỹ	Linh	CQ.59.CNTT	7.11	2.82	17	Khá	Khá	5,300,000	5,300,000
201	5951040107	Nguyễn Như	Ý	CQ.59.CK	6.88	2.8	16	Tốt	Khá	5,300,000	5,300,000
202	5951040060	Cao Đặng	Nhân	CQ.59.CK	7.36	2.8	16	Tốt	Khá	5,300,000	5,300,000
203	5951071063	Nguyễn Mai	Nghiêm	CQ.59.CNTT	7.03	2.8	21	Tốt	Khá	5,300,000	5,300,000
204	5951071101	Nguyễn Kim	Thiện	CQ.59.CNTT	7.31	2.8	21	Tốt	Khá	5,300,000	5,300,000
205	5951060010	Phạm Văn	Đồng	CQ.59.KTD	6.86	2.79	18	Khá	Khá	5,300,000	5,300,000
206	5951060045	Lê Văn	Thanh	CQ.59.KTD	6.89	2.78	17	Tốt	Khá	5,300,000	5,300,000
207	5951040050	Nguyễn Văn	Lâm	CQ.59.CK	7.22	2.76	16	Tốt	Khá	5,300,000	5,300,000
208	5951071010	Trần Anh	Duy	CQ.59.CNTT	7.29	2.76	19	Khá	Khá	5,300,000	5,300,000
209	5951060028	Nguyễn Phú	Lộc	CQ.59.KTD	6.98	2.76	17	Khá	Khá	5,300,000	5,300,000
210	5951071059	Lê Huỳnh	Minh	CQ.59.CNTT	6.95	2.75	19	Khá	Khá	5,300,000	5,300,000
211	5951071074	Hồ Nguyễn Thanh	Phong	CQ.59.CNTT	6.86	2.74	17	Tốt	Khá	5,300,000	5,300,000
212	5951071029	Nguyễn Mạnh	Hoài	CQ.59.CNTT	7.02	2.74	17	Khá	Khá	5,300,000	5,300,000
213	5951071119	Lê Thị Tường	Vi	CQ.59.CNTT	6.87	2.73	18	Tốt	Khá	5,300,000	5,300,000
214	5951071060	Trần Văn Hai	Ngàn	CQ.59.CNTT	6.98	2.71	20	Xuất sắc	Khá	5,300,000	5,300,000
215	5951071078	Đậu Tuấn	Phúc	CQ.59.CNTT	7.06	2.71	19	Tốt	Khá	5,300,000	5,300,000
216	5951071116	Hoàng Huy	Tuấn	CQ.59.CNTT	6.89	2.71	18	Khá	Khá	5,300,000	5,300,000
217	5951071014	Trần Tiến	Đạt	CQ.59.CNTT	6.88	2.71	19	Khá	Khá	5,300,000	5,300,000
218	5951071057	Bùi Văn	Mạnh	CQ.59.CNTT	7.04	2.68	19	Tốt	Khá	5,300,000	5,300,000
219	5951071043	Lê Nguyễn Thái	Khang	CQ.59.CNTT	6.92	2.66	20	Tốt	Khá	5,300,000	5,300,000
220	5951060023	Nguyễn Quang	Khải	CQ.59.KTD	6.78	2.63	17	Khá	Khá	5,300,000	5,300,000
221	5951071056	Lê Thị Ngọc	Mai	CQ.59.CNTT	6.77	2.61	19	Tốt	Khá	5,300,000	5,300,000
222	5951071122	Đoàn Bùi Quang	Vĩnh	CQ.59.CNTT	6.59	2.59	17	Tốt	Khá	5,300,000	5,300,000
223	5951071040	Võ Văn	Kha	CQ.59.CNTT	6.85	2.59	17	Tốt	Khá	5,300,000	5,300,000
224	5951060030	Trần Quang	Lợi	CQ.59.KTD	6.68	2.59	17	Khá	Khá	5,300,000	5,300,000
225	5951071099	Trần Đình	Thảo	CQ.59.CNTT	6.56	2.58	19	Tốt	Khá	5,300,000	5,300,000
226	5951071025	Nguyễn Công	Hậu	CQ.59.CNTT	6.76	2.56	18	Tốt	Khá	5,300,000	5,300,000
227	5951071050	Đoàn Trí	Linh	CQ.59.CNTT	6.72	2.55	19	Khá	Khá	5,300,000	5,300,000
228	5951071048	Võ Tấn	Lễ	CQ.59.CNTT	6.6	2.52	19	Tốt	Khá	5,300,000	5,300,000
229	5951040105	Ngô Tấn	Vũ	CQ.59.CK	6.6	2.5	16	Tốt	Khá	5,300,000	5,300,000
230	5951071042	Nguyễn Đình Gia	Khải	CQ.59.CNTT	6.58	2.5	19	Tốt	Khá	5,300,000	5,300,000

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	ĐTB Học tập	ĐTB Hệ 4	Số TC	Rèn luyện	Học bổng	Mức học bổng	Ghi chú
231	5951040126	Trần Đức	Duy	CQ.59.KTOTO.2	8.09	3.41	15	Tốt	Giỏi	6,095,000	6,095,000
232	5951040243	Nguyễn Thanh	Tuấn	CQ.59.KTOTO.1	7.62	3.02	15	Tốt	Khá	5,300,000	5,300,000
233	5951040202	Hồ Minh	Quang	CQ.59.KTOTO.1	7.26	2.96	16	Tốt	Khá	5,300,000	5,300,000
234	5951040176	Nguyễn Thị Quỳnh	Ly	CQ.59.KTOTO.2	6.99	2.72	17	Tốt	Khá	5,300,000	5,300,000
235	5951040174	Phan Ngọc	Long	CQ.59.KTOTO.2	6.63	2.5	18	Khá	Khá	5,300,000	5,300,000

Tp Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 4 năm 2020